

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 2250/KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Phú Thọ, ngày 18 tháng 7 năm 2011***KẾ HOẠCH****Về việc triển khai Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Thực hiện Quyết định số 1755/QĐ- TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT và truyền thông”, Văn hoá số 1105/BTTTT-CNTT ngày 18/4/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn triển khai Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT và truyền thông” tại địa phương, Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển CNTT tỉnh Phú Thọ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Kế hoạch số 1489/KH-UBND ngày 12/5/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT và truyền thông” trên địa bàn tỉnh như sau:

II. MỤC TIÊU:**1. Mục tiêu tổng quát:**

- Công nghệ thông tin (CNTT) được ứng dụng rộng rãi và hiệu quả trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, làm cho CNTT trở thành phương tiện chủ lực góp phần bảo đảm sự tăng trưởng và phát triển bền vững của tỉnh; nâng cao hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính và các đơn vị sự nghiệp; tăng tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước; nâng cao năng lực cạnh tranh, hiện đại hoá với chi phí thấp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng trên phạm vi toàn tỉnh, hoàn thành một số cơ sở dữ liệu (CSDL) chung của tỉnh, kết nối với CSDL chung của quốc gia.

- Phát triển và thu hút nguồn nhân lực CNTT đạt tiêu chuẩn quốc gia, đáp ứng cơ bản yêu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; từng bước xây dựng và phát triển công nghiệp CNTT trở thành một ngành kinh tế quan trọng, có tốc độ tăng trưởng cao và đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng GDP của tỉnh.

- Phân đầu đến năm 2015 về cơ bản ứng dụng và phát triển CNTT và truyền thông của tỉnh Phú Thọ đạt mức trung bình khá của cả nước.

2. Mục tiêu các lĩnh vực:

a) Phát triển nguồn nhân lực CNTT:

- Phát triển nguồn nhân lực CNTT một cách bền vững, không ngừng nâng cao năng lực quản lý CNTT cho cán bộ quản lý Nhà nước và quản lý kinh doanh, hình thành được đội ngũ chuyên gia và chuyên viên về CNTT có trình độ cao trong các cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp.

- Hoàn thành việc phổ cập trình độ tin học cơ bản cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Đảng và Nhà nước, mọi người đều sử dụng thành thạo công cụ tin học văn phòng, hệ thống thư tín điện tử, truy cập và khai thác Internet và bắt buộc tham gia sử dụng vận hành các hệ thống thông tin tin học hoá liên quan trên mạng máy tính phục vụ công việc.

- Phổ cập môn tin học tới tất cả các trường từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo CNTT trong các trường đại học. Đảm bảo đến năm 2015, 30% sinh viên học tại các trường đại học đóng trên địa bàn tỉnh sau khi tốt nghiệp có đủ khả năng chuyên môn CNTT và ngoại ngữ để có thể tham gia thị trường lao động trong và ngoài nước, đến năm 2020 tỷ lệ này nâng lên thành 60%; nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về vai trò và vị trí của CNTT trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ, phổ cập Internet đến mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người dân ở các huyện miền núi còn gặp nhiều khó khăn, đến năm 2015 tỷ lệ người dân sử dụng Internet đạt trên 40%, đến năm 2020 tỷ lệ này nâng lên thành 60%.

- Triển khai xây dựng Công Thông tin điện tử về đào tạo trực tuyến CNTT hỗ trợ đào tạo các kỹ năng CNTT từ cơ bản đến nâng cao cho mọi đối tượng từ đào tạo các chuyên gia CNTT theo chuẩn quốc tế, đào tạo kiến thức CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước, học sinh, sinh viên đào tạo nhân lực cho các doanh nghiệp và phổ biến kiến thức CNTT cho mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

b) Phát triển công nghiệp CNTT:

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài cho công nghiệp CNTT, ưu tiên bố trí kinh phí trong chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh để đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, đầu tư của các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp CNTT, xây dựng được ít nhất 1 nhà máy có quy mô lớn, công nghệ hiện đại trong lĩnh vực lắp ráp máy tính, sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông, linh kiện, thiết bị điện tử và các phụ kiện cơ bản.

- Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp CNTT trong tỉnh đầu tư, nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực phần mềm như ưu tiên lựa chọn các doanh nghiệp phần mềm trong tỉnh có đủ điều kiện, năng lực tham gia thầu các dự án CNTT về xây dựng, phát triển các phần mềm nội bộ trong cơ quan Nhà nước.

- Hỗ trợ, tổ chức các khoá đào tạo kỹ năng CNTT cho nhân lực trong các doanh nghiệp CNTT nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển công nghiệp CNTT của tỉnh, nâng cao trình độ quản lý chất lượng sản phẩm và dịch vụ của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực CNTT và công nghiệp CNTT theo các tiêu chuẩn ISO.

c) Phát triển và hoàn thiện hạ tầng viễn thông và CNTT:

- Xây dựng và mở rộng mạng băng rộng trong tỉnh phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân và công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng và Nhà nước, UBND tỉnh chỉ đạo các doanh nghiệp CNTT và truyền thông trong tỉnh phối hợp trong việc thực hiện xã hội hoá và phát triển hạ tầng viễn thông, đảm bảo đến năm 2015 sẽ hoàn thành hạ tầng viễn thông kết nối bằng đường truyền băng rộng đa dịch vụ đến các xã, phường trên toàn tỉnh, kết nối Internet đến tất cả các trường học; phủ sóng thông tin di động băng rộng đến 90% dân cư, 100% các hộ gia đình có máy điện thoại.

- Phát triển các điểm truy cập công cộng tại các địa điểm thích hợp như: các trường học, nhà văn hoá xã, điểm bưu điện - văn hoá xã và các trung tâm giáo dục cộng đồng nhằm tạo điều kiện tốt nhất có người dân có thể khai thác, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ điện thoại cố định và truy cập Internet. Đảm bảo đến năm 2015, 100% nhà văn hoá thôn có đủ điều kiện truy cập Internet, xây dựng hệ thống truyền hình trực tuyến đến các xã, đặc biệt các xã vùng sâu vùng xa để phục vụ việc chỉ đạo, điều hành của Nhà nước.

- Phối hợp với các bộ, ngành và các doanh nghiệp liên quan đẩy nhanh việc cấp quang hóa và ngầm hoá các đường cáp để đảm bảo chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị, chỉ đạo và hỗ trợ cho các đài phát thanh và truyền hình thực hiện lộ trình số hoá truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất. Đến hết năm 2015: Ngầm hoá 50% mạng cáp điện thoại, cáp truyền hình tại các thành phố, thị xã, các trung tâm huyện, các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu đô thị mới. Tiến độ xây dựng các tuyến cáp ngầm đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị.

- Tiếp tục hoàn thiện mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước đến cấp xã, phường theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và kết nối thông suốt phục vụ phát triển mọi dịch vụ theo yêu cầu; hoàn thành việc xây mới và nâng cấp các mạng máy tính nội bộ (LAN) trong các cơ quan Nhà nước, đảm bảo đến hết 2011, 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị có hệ thống mạng nội bộ (LAN) và kết nối Internet tốc độ cao, các mạng LAN này được kết nối với nhau thông qua mạng TSLCD của các cơ quan Đảng và Nhà nước nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và kết nối thông suốt đáp ứng tốt việc triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung; đến 2015, 100% UBND các xã, phường, thị trấn được trang bị máy tính và kết nối Internet tốc độ cao.

- Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin số và tích hợp các CSDL dùng chung của tỉnh đảm bảo kết nối với các CSDL quốc gia phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.

- Xây dựng hệ thống chứng thực chữ ký số trong các cơ quan Nhà nước.

- Nâng tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức đạt 1 máy tính/CBCC tính đối với cấp sở, ban, ngành hoặc tương đương và 0,5 máy tính/CBCC đối với cán bộ công chức cấp xã, phường, thị trấn.

d) Về phổ cập thông tin đến các hộ gia đình:

- Đến năm 2015: 30 - 35% số hộ gia đình trong tỉnh có máy tính và truy cập Internet băng rộng; trên 100% số hộ có máy thu hình, trong đó 50% xem được truyền hình số bằng các phương thức khác nhau, hỗ trợ các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh, mỗi hộ 01 máy tính nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền của Đảng và Nhà nước.

- Đến năm 2020: 70% hộ gia đình trên sử dụng các dịch vụ số; 40 - 50% số hộ gia đình có máy tính và truy cập Internet băng rộng; 80% các hộ gia đình có máy thu hình xem được truyền hình số bằng các phương thức khác nhau, tiếp tục hỗ trợ các hộ nghèo, mỗi hộ 01 máy tính nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền của Đảng và Nhà nước.

đ) Về ứng dụng CNTT trong cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc cung cấp các thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, các ngành, các cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, sử dụng triệt để và có hiệu quả hệ thống hội nghị trực tuyến tỉnh Phú Thọ trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, đặc biệt trong những tình huống khẩn cấp như chỉ đạo phòng chống thiên tai, bão lũ, cháy rừng...

- Cung cấp cho 100% cán bộ, công chức Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc, 70% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan quản lý Nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- Tiếp tục triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan quản lý Nhà nước, dự kiến đến hết năm 2015, 100% các cơ quan quản lý Nhà nước được cài đặt và sử dụng phần mềm phục vụ quản lý văn bản và điều hành. Từng bước triển khai các phần mềm dùng chung tại UBND các xã, phường, thị trấn, đảm bảo đến năm 2015 có thể gửi nhận văn bản từ cấp tỉnh đến các xã, phường, thị trấn.

- Đến năm 2015: Cung cấp trên 80% các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tới người dân và doanh nghiệp mức độ 2 và 3 (nhận mẫu hồ sơ trên mạng và trao đổi thông tin, gửi, nhận hồ sơ qua mạng), 70% doanh nghiệp và tổ chức xã hội ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh, 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ có trang thông tin điện tử.

- Đến năm 2015, 100% các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị có trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28 của Luật CNTT, cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến

tối thiểu mức độ 3 đến người dân và doanh nghiệp, triển khai một cửa điện tử tại một số sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị.

e) Tăng cường năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT và truyền thông, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ về CNTT và truyền thông:

- Hỗ trợ, tạo điều kiện và kinh phí, cơ chế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ trong việc triển khai các đề án, đề tài khoa học nghiên cứu các sản phẩm, công nghệ, ứng dụng trong lĩnh vực CNTT và truyền thông, ưu tiên sử dụng các sản phẩm, công nghệ mang thương hiệu Việt Nam trong các dự án CNTT trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh sáng tạo, mua hoặc chuyển giao công nghệ mới.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH:

1. Phát triển nguồn nhân lực CNTT:

a) Quy hoạch cán bộ CNTT trong cơ quan Nhà nước:

- Đối với các sở, ban, ngành có nhu cầu ứng dụng CNTT cao sẽ bố trí bộ phận chuyên trách về CNTT làm nhiệm vụ tham mưu, giúp lãnh đạo các sở, ban, ngành xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức điều hành và triển khai thực hiện ứng dụng CNTT tại sở, ban, ngành.

- Đối với các sở, ban, ngành còn lại đều bố trí 01 cán bộ chuyên trách CNTT.

b) Đào tạo nguồn nhân lực CNTT trong cơ quan Nhà nước:

- Đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo CNTT (CIO) cho các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành, thị.

Nội dung đào tạo: Nâng cao nhận thức về vai trò và vị trí của CNTT trong phục vụ sự nghiệp phát triển chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của đất nước, đào tạo năng lực lãnh đạo thông tin, năng lực quản lý dự án CNTT.

- Tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ thuật CNTT cho cán bộ phụ trách CNTT tại các đơn vị (Trung bình tổ chức 02 khoá đào tạo/01 năm).

Nội dung đào tạo: Nâng cao kiến thức và kỹ năng về quản trị mạng, quản trị CSDL, xây dựng và quản lý các hệ thống thông tin chuyên ngành.

- Tổ chức đào tạo, nâng cao kiến thức cơ bản về CNTT cho cán bộ công chức, viên chức tại các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và cán bộ công chức các xã, phường, thị trấn.

Nội dung đào tạo: Tin học cơ bản, sử dụng thư điện tử, khai thác Internet, sử dụng các phần mềm ứng dụng đang triển khai trong cơ quan và các kỹ năng ứng dụng CNTT trong xử lý công việc.

- Đào tạo đại học, cao đẳng về CNTT, đào tạo các chuyên gia CNTT theo các chứng chỉ quốc tế (CCNA, CCNP, MCSA, MCSE...).

c) Đào tạo kỹ năng CNTT cho nhân lực trong các doanh nghiệp:

- Căn cứ Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng CNTT phục vụ hội nhập và phát triển” theo Quyết định số 191/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, hàng năm triển khai các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng CNTT, cụ thể:

+ Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo phù hợp nhằm giúp các doanh nghiệp nắm được các nội dung cơ bản về thương mại điện tử, cách thức tiến hành giao dịch trong thương mại điện tử;

+ Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nâng cao về kỹ thuật thương mại điện tử nhằm bồi dưỡng, đào tạo các chuyên gia về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp;

+ Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo cho lãnh đạo các doanh nghiệp về các kỹ năng quản lý doanh nghiệp qua các ứng dụng, hệ thống CNTT;

+ Ban hành các quy định hỗ trợ đào tạo nhân lực thương mại điện tử.

d) Phổ cập kiến thức CNTT cho các tầng lớp nhân dân:

- Triển khai xây dựng Cổng thông tin điện tử về đào tạo trực tuyến CNTT hỗ trợ đào tạo các kỹ năng CNTT từ cơ bản đến nâng cao cho mọi đối tượng từ đào tạo các chuyên gia CNTT theo chuẩn quốc tế, đào tạo kiến thức CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước, học sinh, sinh viên, đào tạo nhân lực cho các doanh nghiệp và phổ biến kiến thức CNTT cho mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh;

- Đẩy mạnh phổ cập kiến thức CNTT cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, chú trọng đến các đối tượng thanh, thiếu niên và người dân ở các huyện miền núi còn gặp nhiều khó khăn như Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, mỗi năm tổ chức 04 - 05 lớp đào tạo tập trung, hình thức đào tạo trực tuyến được tổ chức thường xuyên, liên tục phù hợp theo các đối tượng, cụ thể:

+ Về nội dung đào tạo: Phổ cập kiến thức cơ bản về máy tính, Internet; sử dụng các dịch vụ thương mại điện tử trên mạng Internet;

+ Về hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung, đào tạo trực tuyến trên cổng đào tạo trực tuyến của tỉnh.

2. Phát triển công nghiệp CNTT:

a) Xây dựng nhà máy hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp máy tính, sản xuất thiết bị bu chính viễn thông, linh kiện, thiết bị điện tử và các phụ kiện cơ bản, tùy điều kiện thực tế giai đoạn 2015 - 2020 từng bước hình thành khu công nghiệp CNTT tập trung nằm trong hệ thống các khu công nghiệp tỉnh Phú Thọ.

b) Đẩy mạnh triển khai các nội dung phát triển công nghiệp CNTT theo Kế hoạch số 2529/KH-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc “Triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số năm 2011 tỉnh Phú Thọ” và kế hoạch các năm tiếp theo, bao gồm:

- Cài đặt, kiểm thử các phần mềm nguồn mở để lựa chọn các sản phẩm, phiên bản phần mềm nguồn mở phù hợp đưa vào sử dụng trong các cơ quan Nhà nước;

- Triển khai cài đặt hệ điều hành nguồn mở và các ứng dụng phần mềm nguồn mở (đã qua đánh giá, kiểm thử và được lựa chọn sử dụng) tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị;

- Tổ chức đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước về quản trị, sử dụng hệ điều hành nguồn mở và các ứng dụng phần mềm nguồn mở;

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý Nhà nước, nâng cao trình độ quản lý chất lượng sản phẩm và dịch vụ của các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực CNTT và công nghiệp CNTT theo các tiêu chuẩn ISO.

c) Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp CNTT, đặc biệt là xây dựng các nhà máy chuyên lắp ráp máy tính, sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông, linh kiện, thiết bị điện tử và các phụ kiện cơ bản.

d) Ban hành Quy định ưu tiên, hỗ trợ cho các doanh nghiệp CNTT trong tỉnh đầu tư, nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực phần mềm như ưu tiên lựa chọn các doanh nghiệp phần mềm trong tỉnh có đủ điều kiện, năng lực tham gia thầu các dự án CNTT về xây dựng, phát triển các phần mềm nội bộ trong cơ quan Nhà nước.

3. Phát triển hạ tầng viễn thông và CNTT:

a) Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện mạng cục bộ (LAN) cơ quan Nhà nước ở cấp xã/phường phục vụ hiệu quả tin học hoá, quản lý hành chính, công tác chuyên môn và hỗ trợ tiếp nhận và giải quyết các dịch vụ công đối với người dân.

- Mục tiêu: Tạo dựng cho cấp xã/phường một hệ thống hạ tầng CNTT đủ mạnh để có thể triển khai ứng dụng tin học hoá; thu thập dữ liệu cung cấp cho các CSDL trọng điểm; triển khai việc tin học hoá các dịch vụ công thực hiện ở cấp cơ sở; tạo điều kiện nâng cao trình độ CNTT đối với cán bộ cấp xã/phường.

- Phương án triển khai: Đầu tư cho mỗi UBND cấp xã một hệ thống mạng LAN gồm 05 máy trạm kết nối Internet và kết nối vào mạng TSLCD phục vụ triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, dịch vụ công... kết hợp với đào tạo CNTT cho cán bộ cấp xã/phường. Đầu tư tập trung dứt điểm từng xã, không đầu tư dàn trải; xây dựng các điểm mẫu, rút kinh nghiệm, sau đó triển khai diện rộng.

b) Nâng cấp và hoàn thiện mạng LAN cho các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị.

- Mục tiêu: Duy trì hoạt động thường xuyên liên tục của hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước; cung cấp công cụ CNTT phục vụ dịch vụ công, nâng cao chất lượng chỉ đạo điều hành, hoạt động chuyên môn.

Phương án triển khai: Nâng cấp mạng LAN cho các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị trong 5 năm trên cơ sở căn cứ vào hiện trạng và nhu cầu, yêu cầu phát triển hàng năm của mỗi đơn vị để lên phương án đầu tư nâng cấp.

c) Thiết lập mạng WAN, mạng TSLCD đảm bảo đường truyền tốc độ cao, an ninh, an toàn tới các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện phục vụ triển khai các ứng dụng dùng chung; thiếp lập cơ sở hạ tầng của hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh trên mạng TSLCD của các cơ quan khối Đảng, Nhà nước.

- Mục tiêu: Đảm bảo đường truyền tốc độ cao, an ninh, an toàn phục vụ cho việc trao đổi thông tin trong các cơ quan Đảng và quản lý Nhà nước, đặc biệt triển khai Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, Hội nghị truyền hình trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản và điều hành... và các dịch vụ phục vụ nền hành chính điện tử.

- Phương án triển khai: Sau khi mạng TSLCD của các cơ quan Đảng, Nhà nước triển khai hoàn thiện thì sử dụng hạ tầng của mạng này để thiết lập mạng WAN của tỉnh.

d) Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm thông tin dữ liệu (Data Center) của tỉnh hiện đại, đảm bảo là nơi tập trung, tích hợp an toàn, thuận tiện cho các kho dữ liệu dùng chung, các CSDL chuyên ngành, hệ thống thông tin của tỉnh, các dịch vụ CNTT - truyền thông.

- Mục tiêu: Xây dựng một Trung tâm thông tin dữ liệu (Data Center) hiện đại; kết nối tốc độ cao; trang bị các máy chủ, hệ thống lưu trữ đủ mạnh; trang bị các thiết bị bảo mật đảm bảo an ninh, an toàn thông tin; đảm bảo lưu trữ, quản lý và trao đổi thông tin dữ liệu số hoá; cung cấp các dịch vụ cơ bản, dịch vụ ứng dụng phục vụ cho các hệ thống thông tin của tỉnh hoạt động ổn định; tích hợp dữ liệu, ứng dụng phục vụ triển khai Chính phủ điện tử đồng bộ, thống nhất.

- Phương án triển khai: Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu thành Trung tâm thông tin dữ liệu (Data Center) hiện đại:

+ Nâng cấp về trang thiết bị hạ tầng cơ sở của Trung tâm tích hợp dữ liệu đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông theo tiêu chuẩn một Data Center: Các thiết bị lõi (lưu điện, điều hoà chuyên dụng, báo động, an ninh, giám sát, hệ thống rack...), các thiết bị điện, cải tạo nâng phòng đặt, thiết bị chống cháy, bảo mật...

+ Nâng cấp và trang bị thêm các máy chủ và tổ chức thành các server farm, cluster, balancing tuân theo định hướng một Data Center, cụ thể: Hoàn thiện cung cấp dịch vụ cơ bản cho các hệ thống thông tin; nâng cấp hệ thống máy chủ phục vụ triển khai các ứng dụng và dịch vụ trung gian, CSDL, xác thực, cân bằng tải,...

- Nâng cấp, bổ sung thiết bị định tuyến, phân tải, bảo mật, an ninh...

- Mua sắm các phần mềm hệ thống: hệ điều hành, dịch vụ cơ bản, tích hợp dữ liệu, sao lưu, bảo mật...

đ) Xây dựng và triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số mạng của tỉnh phục vụ việc trao đổi thông tin dữ liệu an toàn, bảo mật trong các cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng.

- Mục tiêu: Đảm bảo hoạt động giao dịch, trao đổi thông tin, dữ liệu an toàn, xác thực trên môi trường mạng của các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Phương án triển khai: Đầu tư hệ thống cung cấp chữ ký số, hệ thống chứng thực và xác thực người dùng triển khai cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị.

e) Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao ban trực tuyến trong các cơ quan Nhà nước: Tiếp tục đầu tư, mở rộng hệ thống giao ban trực tuyến trong các cơ quan Nhà nước hiện có đến tất cả các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị nhằm phục vụ hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, đặc biệt là trợ giúp đắc lực trong các trường hợp cần sự chỉ đạo nhanh chóng, kịp thời, chính xác như khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, lũ lụt trên địa bàn tỉnh.

g) Các cơ sở dữ liệu (CSDL): Bên cạnh các hệ thống thông tin phục vụ quản lý điều hành của các cơ quan Nhà nước, các CSDL dùng chung, quan trọng mang tính liên ngành, đóng vai trò then chốt cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, đủ tin cậy cho công tác quản lý Nhà nước, cung cấp các dịch vụ hành chính công và các đối tượng khác nhau. Ở tầm quốc gia đó là các CSDL quốc gia, ở tầm tỉnh đó là các CSDL trọng điểm. Trong thời gian đến năm 2015 tỉnh Phú Thọ sẽ tập trung xây dựng và hoàn thiện các CSDL trọng điểm và một số CSDL chuyên ngành cụ thể:

- CSDL đất đai: Phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai, trợ giúp lãnh đạo và các nhà quản lý các cấp trong việc hoạch định và quyết định những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, quản lý tài nguyên, đảm bảo an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh, đồng thời làm cơ sở tiếp tục xây dựng các loại CSDL khác cần dựa trên nền bản đồ đất.

- CSDL dân cư: Phục vụ việc quản lý dân cư trên địa bàn tỉnh, được sử dụng trong mọi thủ tục hành chính liên quan đến con người và gia đình. Cung cấp thông tin về dân cư và các số liệu thống kê dân số tại mọi thời điểm theo các đơn vị hành chính, phục vụ quản lý kinh tế - xã hội và hoạch định chính sách, phục vụ thống kê dân số, nghiên cứu gia đình, hôn nhân, quản lý nhân, hộ khẩu, giáo dục, y tế;

- CSDL cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh: Là một hệ thống tin lưu trữ, quản lý toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh, phục vụ cho việc quản lý, hoạch định chính sách phát triển, đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh.

- CSDL thông tin kinh tế - xã hội: Là CSDL số liệu chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội là cơ sở khoa học tin cậy phục vụ các cấp, các ngành quản lý, đưa ra các đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- CSDL hệ thống khách sạn nhà hàng, điểm tham quan, du lịch tỉnh Phú Thọ: CSDL này được cập nhật thông tin đầy đủ liên lạc về hệ thống các nhà hàng khách sạn khách sạn trên địa bàn tỉnh phục vụ việc quản lý Nhà nước, phát triển kinh tế, phát triển về du lịch, dịch vụ, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, lao động việc làm, trật tự xã hội.

h) Phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ và hiện đại và đi trước một bước làm tiền đề phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động thông tin và truyền thông phục vụ Đảng, các cấp chính quyền và nhân dân; đặc biệt thực hiện tốt chương trình đưa thông tin về cơ sở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo.

- Tăng dung lượng truyền dẫn, thực hiện từng bước cáp quang có cấu trúc mạch vòng để đảm bảo an toàn thông tin. Hoàn thiện mạng ngoại vi theo hướng tăng cường sử dụng cáp sợi quang và nâng cao tỷ lệ cáp ngầm để nâng cao chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị.

- Mở rộng vùng phủ sóng của các mạng viễn thông di động thế hệ thứ 3 (3G) và phát triển các mạng thế hệ sau. Nâng cao chất lượng phủ sóng tại các thành phố, thị xã, trung tâm huyện, các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư và các điểm du lịch. Chú trọng đầu tư phát triển mạng Internet băng rộng. Đẩy mạnh phổ cập Internet đến tất cả các xã, phường.

4. Hỗ trợ phổ cập thông tin đến các hộ gia đình:

Tăng cường nội dung thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm rút ngắn khoảng cách về hưởng thụ thông tin, tuyên truyền giữa các vùng miền, tăng cường tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của người dân, đảm bảo an ninh, quốc phòng ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc ít người (Theo Quyết định số 2331/QĐ-TTg ngày 20/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo). Trong phạm vi Kế hoạch này sẽ tập trung triển khai hỗ trợ một phần kinh phí trang bị các thiết bị thông tin số cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền của Đảng, Nhà nước, cụ thể:

Giai đoạn 2011 - 2015: Hỗ trợ hộ nghèo tại 13 huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh, mỗi hộ 01 bộ máy vi tính. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ là 2.735 hộ (Theo Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ về phê duyệt kết quả Tổng điều tra hộ nghèo năm 2010), trong đó: thị xã Phú Thọ: 278 hộ; huyện Tam Nông: 214

hộ; huyện Thanh Thủy: 279 hộ; huyện Thanh Ba: 184 hộ; huyện Yên Lập: 155 hộ; huyện Tân Sơn: 126 hộ; huyện Cẩm Khê: 209 hộ; huyện Lâm Thao: 232 hộ; huyện Hạ Hoà 229 hộ; huyện Phù Ninh: 205 hộ; huyện Thanh Sơn: 282 hộ; thành phố Việt Trì: 134 hộ; huyện Đoan Hùng: 208 hộ.

5. Ứng dụng CNTT trong cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội:

a. Ứng dụng CNTT trong cơ quan Nhà nước:

- Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan quản lý Nhà nước:

+ Kế thừa các kết quả đã đạt được, tiếp tục xây dựng hoàn thiện các hệ thống thông tin số phục vụ cho sự chỉ đạo, điều hành và quản lý của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị;

+ Xây dựng và triển khai phần mềm điều hành, tác nghiệp đến tất cả các cơ quan quản lý Nhà nước từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn, triển khai phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị;

+ Triển khai hệ thống thư điện tử đến tất cả các cơ quan quản lý Nhà nước, để phục vụ việc trao đổi văn bản điện tử môi trường mạng;

+ Xây dựng các phần mềm chuyên ngành phục vụ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị theo chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị;

+ Số hoá nguồn thông tin chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử;

+ Tiếp tục triển khai mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến đến tất cả các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị trong tỉnh phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh;

- Ứng dụng CNTT phục vụ cho người dân và doanh nghiệp:

+ Tiếp tục đầu tư, nâng cấp Cổng giao tiếp điện tử của tỉnh nhằm cung cấp thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, thông tin tổng hợp kinh tế, xã hội và các dịch vụ công điện tử cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp;

+ Hết năm 2011 xây dựng 03 dịch vụ công ở mức độ 3 cổng giao tiếp điện tử của tỉnh gồm: Đăng ký lại, cấp đổi và di chuyển giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp giấy phép đầu tư; đăng ký kinh doanh;

+ Tổ chức tuyên truyền và quảng bá để người dân, doanh nghiệp biết và sử dụng các dịch vụ trên môi trường mạng;

+ Trong giai đoạn 2011 - 2015 sẽ tiếp tục xây dựng từ 10 -15 các dịch vụ hành chính công mức độ 3 trên Cổng giao tiếp điện tử tỉnh Phú Thọ

b) ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp:

Đề nâng cao hiệu quả cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh, trong môi trường hội nhập quốc tế, cần thiết phải đẩy mạnh ứng dụng những công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh, trong đó CNTT đóng vai trò quan trọng. Các nội dung chủ yếu của ứng dụng CNTT trong sản xuất, kinh doanh như sau:

- Xây dựng cổng giao dịch thương mại điện tử của tỉnh nhằm hỗ trợ thông tin cho các doanh nghiệp bao gồm các CSDL giá cả, thị trường trong nước và quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp về mặt luật pháp và các dịch vụ khác như xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường;

- ứng dụng CNTT đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ở các mức độ khác nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Đối với các doanh nghiệp Nhà nước lớn như Công ty Super Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao, Công ty Giấy Bãi Bằng... cần thiết phải đạt được có hệ thống mạng máy tính nội bộ (LAN) và được kết nối Internet tốc độ cao và xây dựng Trang thông tin điện tử (Website) riêng của đơn vị có thể đặt riêng hoặc chung trong sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh;

- Triển khai một số phần mềm tự động quản lý các dây chuyền sản xuất, triển khai hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp tổng thể (ERP) tùy theo quy mô, loại hình và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp như: Quản lý tài chính kế toán, quản lý nhân sự, quản lý sản phẩm, quản lý bán hàng;

- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ xây dựng các Trang thông tin điện tử (Website), triển khai một số phần mềm nhỏ phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp, hình thành một số doanh nghiệp có kinh doanh trên mạng như bán lẻ hàng hóa, cung cấp dịch vụ thương mại;

- Đào tạo cho lãnh đạo các doanh nghiệp các kiến thức về quản lý, đầu tư trong lĩnh vực CNTT, kiến thức về thương mại điện tử... từng bước xây dựng chức danh giám đốc CNTT (CIO) cho doanh nghiệp).

6. Tăng cường năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT và truyền thông, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ về CNTT và truyền thông:

- Đầu tư, nâng cấp trang bị các phương tiện đào tạo hiện đại nhằm nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu, làm chủ công nghệ của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm trong việc triển khai các đề án, đề tài khoa học nghiên cứu các sản phẩm, công nghệ, ứng dụng trong lĩnh vực CNTT và truyền thông, ưu tiên sử dụng các sản phẩm, công nghệ mang thương hiệu Việt Nam trong các dự án CNTT trên địa bàn tỉnh, đẩy mạnh sáng tạo, mua hoặc chuyển giao công nghệ mới.

IV. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015: (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Tổng kinh phí thực hiện: 136.860.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi sáu tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 37.571.000.000 đồng;
- Ngân sách tỉnh: 86.932.000.000 đồng;
- Nguồn khác: 12.357.000.000 đồng (WB, FDI, ODA).

1. Ngân sách cấp tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác đảm bảo thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT phục vụ cho hoạt động của tỉnh. Hỗ trợ từ 40% - 50% đối với một số huyện khó khăn, 20% - 30% đối với các thị xã, thành phố (trong một số dự án, nhiệm vụ) để bảo đảm kinh phí triển khai các nội dung xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin và CSDL của tỉnh.

2. Ngân sách cấp huyện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác bảo đảm thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động thuộc phạm vi địa phương. Trong kế hoạch ngân sách hàng năm của các địa phương phải bao gồm mục chi riêng cho ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

3. Kinh phí cho các Dự án, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch được xác định cụ thể khi các dự án, nhiệm vụ được xây dựng và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách Nhà nước trong quá trình triển khai Kế hoạch hàng năm.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp tổ chức, điều hành:

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh; nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo CNTT ở các cấp, các ngành;

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý về thông tin và truyền thông, đặc biệt là cấp phòng của các huyện, thành, thị;

- Kết hợp chặt chẽ về việc triển khai Kế hoạch này với triển khai Quy hoạch tổng thể phát triển CNTT tỉnh Phú Thọ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015.

2. Đào tạo nguồn nhân lực:

- Để đáp ứng triển khai ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh, Phú Thọ phải coi vấn đề đào tạo nguồn nhân lực như là một trong những lĩnh vực ưu tiên hàng đầu, cần quy hoạch, nâng cấp các trường, các trung tâm đào tạo CNTT vừa đáp ứng phổ cập và vừa đầy mạnh đào tạo chuyên sâu và hướng tới hợp tác đào tạo chuyên gia;

- Đào tạo cán bộ công chức: Thực hiện đào tạo tại chỗ, gắn với triển khai ứng dụng;

- Đào tạo CIO: Đào tạo năng lực quản lý và triển khai, xử lý tác nghiệp ứng dụng CNTT. Đối với đội ngũ lãnh đạo chính quyền các cấp phải chú ý đào tạo cán bộ lãnh đạo CNTT (CIO) để giúp tỉnh thực hiện tốt chiến lược phát triển chính quyền điện tử và các dự án CNTT;

- Tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo;

- Xã hội hoá việc đào tạo nguồn lực CNTT, nhằm thu hút các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trực tiếp đầu tư phát triển nguồn nhân lực CNTT.

- Xây dựng và thực hiện các chính sách thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao ở trong và ngoài nước về tham gia phát triển CNTT tỉnh.

3. Giải pháp tài chính:

Để đảm bảo nguồn vốn đáp ứng cho việc ứng dụng và phát triển CNTT cần huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Huy động các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp (FDI), hợp tác quốc tế và huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân thông qua việc xã hội hóa để thực hiện các dự án ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

a) Huy động nguồn vốn trong nước: Nguồn vốn từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, chủ yếu đầu tư cho phát triển hạ tầng CNTT, ứng dụng CNTT và đào tạo nguồn nhân lực CNTT tại các cơ quan Đảng, các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh. Ngân sách tỉnh đáp ứng yêu cầu cho phát triển hạ tầng và ứng dụng CNTT trong kế hoạch ngân sách hàng năm của tỉnh, địa phương.

b) Huy động vốn trong các doanh nghiệp: Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ cho ứng dụng CNTT để phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý và khả năng cạnh tranh trên thị trường; có thể tự huy động vốn, vay vốn ngân hàng. Ưu tiên cho các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh tham gia các dự án CNTT của tỉnh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, nâng cao trình độ, mở rộng quy mô và đi tắt đón đầu công nghệ.

c) Huy động vốn trong dân: Đây là nguồn rất lớn, cần có biện pháp tích cực để huy động tối đa nguồn vốn này. Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước về huy động vốn nhân rỗi của dân. Khuyến khích tư nhân trong và ngoài tỉnh, Việt kiều ở nước ngoài đầu tư dưới hình thức liên doanh, góp cổ phần hoặc đầu tư trực tiếp để phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra có thể phát hành trái phiếu trung và dài hạn với lãi suất hấp dẫn để thu hút vốn trong dân.

d) Huy động vốn đầu tư nước ngoài: Xây dựng cơ chế thông thoáng một cửa, giải quyết thủ tục nhanh chóng, thuận tiện đối với các nhà đầu tư để thu hút các dự án đầu tư từ nước ngoài. Sử dụng một số phần vốn ODA của các nước giúp Việt Nam vào xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông ở nông thôn. Tổ chức hội thảo,

giới thiệu và mời chào các doanh nghiệp đầu tư, đặc biệt là đầu tư phát triển công nghiệp CNTT. Xây dựng quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút vốn đầu tư. Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh phù hợp với từng lĩnh vực ngành nghề với mức ưu đãi cao nhất trong khung pháp lý của Nhà nước, đồng thời thể hiện một số ưu đãi riêng của tỉnh, chú trọng các hình thức đầu tư mới, gắn quyền lợi với trách nhiệm của nhà đầu tư.

4. Nâng cao nhận thức về vai trò của CNTT:

- Để phát triển ứng dụng CNTT trên mọi mặt trước hết cần phải có một nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của CNTT. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức về CNTT chính là việc thúc đẩy ứng dụng CNTT. Nâng cao nhận thức trước hết phải được tiến hành với các đối tượng là cán bộ lãnh đạo. Việc giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, lãnh đạo bao gồm: Việc đào tạo tổ chức các lớp đào tạo, phổ cập các kiến thức về CNTT, hướng dẫn sử dụng các phần mềm trong công việc (MS Office, Email, các phần mềm mã nguồn mở...), dần hình thành môi trường làm việc có ứng dụng CNTT, qua đó thấy được lợi ích của ứng dụng CNTT một cách rõ ràng hơn.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể ở các cấp, các ngành tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, viên chức và nhân dân nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của CNTT trong tiến trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của đất nước, nhất là trước yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới, là một trong những điều kiện quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thực hiện công khai, minh bạch, đẩy mạnh cải cách hành chính của các cơ quan hành chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đề từ đó động viên, khuyến khích mọi người tham gia khai thác, ứng dụng và đầu tư phát triển CNTT... Đặc biệt, cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị phải có quyết tâm cao, đi đầu trong việc sử dụng CNTT để điều hành, quản lý, chỉ đạo công việc, thông quan đó tạo môi trường và điều kiện để đội ngũ cán bộ, công chức trong ngành, trong cơ quan đơn vị cùng tham gia sử dụng CNTT trong xử lý công việc.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả và đa dạng hóa các hình thức quy mô tuyên truyền, thông tin, phổ biến kiến thức về CNTT và xã hội thông tin thông qua truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác kết hợp với các chương trình hội thảo, các chương trình đào tạo phổ cập, bồi dưỡng về CNTT.

5. Phát triển thị trường CNTT:

Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT, ứng dụng giải pháp phần mềm vào các quy trình tác nghiệp, dây chuyền sản xuất của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Tăng cường quản lý thị trường để đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, chống vi phạm sở hữu trí tuệ.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết:

- Hợp tác, liên kết đào tạo là con đường giúp mở ra cơ hội đi tắt đón đầu bắt kịp tốc độ phát triển khoa học và công nghệ trong khi nội lực phát triển của tỉnh còn nhiều hạn chế.

- Các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở đào tạo có tiềm năng cần được khuyến khích và chủ động liên kết, hợp tác mở ra các chương trình đào tạo, đặc biệt là đào tạo chuyên gia CNTT với các trường đại học lớn, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước để tranh thủ thu hút trí tuệ và nguồn lực vào tỉnh một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất.

- Bên cạnh đó cần chú ý đến thị trường xuất khẩu CNTT mà chủ yếu là phần cứng và phần mềm. Tranh thủ sự đầu tư vào các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, máy tính từ các hãng lớn trên thế giới.

7. Cơ chế chính sách và quản lý Nhà nước về CNTT:

- Quy định chặt chẽ trong việc ứng dụng CNTT, tạo ra nền nếp làm việc và thói quen sử dụng máy tính trong công việc của cán bộ công chức. ứng dụng CNTT trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội phải được thể hiện trong mọi hoạt động, đảm bảo hệ thống chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời từ tỉnh đến các ngành, địa phương trong tỉnh.

- Có chính sách khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển CNTT tại Phú Thọ như chính sách về tài chính, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp về công nghệ, đối tác và mở rộng thị trường; phát triển ngành công nghiệp CNTT trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Có chính sách ưu đãi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước trong các dự án ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật tạo điều kiện thuận lợi và hành lang pháp lý vững chắc cho việc triển khai ứng dụng, phát triển CNTT.

8. Giải pháp giám sát, kiểm tra thực hiện Kế hoạch:

- Các cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ, dự án, các đơn vị triển khai mô hình điểm có trách nhiệm báo cáo theo quý và đột xuất về tình hình triển khai Kế hoạch.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm phối hợp, đánh giá việc triển khai Kế hoạch tại đơn vị, địa phương mình.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh: Trực tiếp chỉ đạo các cơ quan Nhà nước triển khai thực hiện Kế hoạch. Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, hàng năm họp, thống nhất tham mưu UBND tỉnh kế hoạch thực hiện cho từng năm đảm bảo mục tiêu đề ra.

2. Sở Thông tin và Truyền thông: Là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo CNTT của tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp, hướng dẫn và đôn đốc các cơ quan Nhà nước tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch "Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT và truyền thông" với các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch hàng năm, hướng dẫn các cơ quan Nhà nước xây dựng kế hoạch và các chương trình, dự án đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả;

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan thống nhất các biểu mẫu điện tử chung cho giao dịch giữa các cơ quan Nhà nước; hướng dẫn việc cải tiến, chuẩn hóa và áp dụng các quy trình công việc chung, bảo đảm đồng bộ quy trình công việc giữa các cơ quan Nhà nước;

- Xây dựng tiêu chí cụ thể các hộ nghèo của 13 huyện, thành, thị được hưởng hỗ trợ máy tính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tổ chức tổng kết kinh nghiệm chuyên gia giải pháp công nghệ và phương thức tổ chức của các dự án ứng dụng CNTT;

- Chủ trì công tác thu thập báo cáo và đánh giá tổng kết thường kỳ tiến bộ thực hiện Kế hoạch;

- Đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND tỉnh có hình thức xử lý phù hợp đối với các tổ chức, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ quy định trong Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cân đối và đưa vào kế hoạch Nhà nước các nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch và kế hoạch hàng năm về ứng dụng CNTT. Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính tiến hành tổng hợp, rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lồng ghép nội dung các chương trình, dự án được thực hiện.

4. Sở Tài chính: Ưu tiên ở mức cao nhất, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện kế hoạch. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định tỷ lệ chi ngân sách tỉnh/ngân sách cấp huyện trong Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2011 - 2012. Cấp phát kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm cho các cơ quan Nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch;

5. Sở Nội vụ: Phối hợp với Thông tin và Truyền thông trong quá trình triển khai các dịch vụ hành chính công trực tuyến trên Cổng giao tiếp điện tử và triển khai các phần mềm cải cách hành chính một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; xây dựng, ban hành Quy định về lưu trữ thông tin số của các cơ quan Nhà nước; xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn nhân lực CNTT có trình độ cao về công tác tại tỉnh Phú Thọ.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Tham mưu UBND tỉnh có chính sách ưu tiên bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ trong việc triển khai các đề án, đề tài khoa

học nghiên cứu các sản phẩm, công nghệ, các phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực CNTT và truyền thông.

7. Sở Công thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các dự án, nhiệm vụ phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh đến năm 2015 (theo Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 27/5/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ về phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015 và Kế hoạch này).

8. Sở Giáo dục và Đào tạo: Triển khai các dự án, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, trong đó tập trung nâng cao chất lượng đào tạo CNTT ở tất cả các cấp học, tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông triển khai cung internet đến 100% các trường học, đẩy mạnh hình thức đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa qua cổng đào tạo trực tuyến và qua hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục từ tỉnh đến huyện, giáo viên, học sinh ở các cấp học.

9. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị:

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và của tỉnh. Căn cứ vào các dự án, nhiệm vụ được giao chủ trì, các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành thị tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng dự án, nhiệm vụ, cụ thể:

+ Đối với các dự án đầu tư mới, tiến hành các thủ tục đầu tư dự án theo quy định tại Nghị quyết số 102/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 102/NĐ-CP.

+ Đối với các nhiệm vụ thường xuyên (Nâng cấp, mở rộng hệ thống CNTT sẵn có, đào tạo nhân lực CNTT, duy trì, bảo dưỡng hệ thống...) thì tùy theo mức kinh phí đầu tư thực hiện theo các quy định tại Thông tư Liên tịch số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước và Thông tư số 21/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án.

- Đối với nội dung hỗ trợ trang bị máy vi tính cho các hộ nghèo tại 13 huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh: UBND các huyện, thành, thị phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện; chủ trì, chịu trách nhiệm rà soát, lựa chọn các hộ nghèo trên địa bàn đưa vào diện hỗ trợ giai đoạn 2011 - 2015, gửi sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định (*số lượng, kinh phí hỗ trợ các hộ nghèo tại 13 huyện, thành, thị được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

- Các huyện, thành, thị hàng năm phải dành một phần kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT trên địa bàn, kinh phí của tỉnh chỉ hỗ trợ thực hiện các dự án trên phạm vi toàn tỉnh, bao gồm: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật dùng chung, hệ thống mạng nội bộ (LAN) tại các đơn vị, hệ thống thông tin và CSDL của tỉnh, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT.

10. Các doanh nghiệp viễn thông:

- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông trên địa bàn tỉnh căn cứ vào Kế hoạch này để xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng cơ sở phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh góp phần thiết thực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển viễn thông nói riêng.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể về xây dựng các trạm BTS, ngầm hóa mạng cáp; có tiếng nói chung trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, từ đó sẽ làm giảm số lượng và mật độ cột an ten, mạng cáp chằng chéo góp phần đảm bảo mỹ quan đô thị và tiết kiệm chi phí đầu tư cho doanh nghiệp.

- Chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp khác đàm phán cùng đầu tư và sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông; kịp thời phản ánh các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện, đồng thời kiến nghị, đề xuất giải quyết hoặc hỗ trợ tháo gỡ khó khăn và đảm bảo tuân thủ pháp luật, phù hợp với điều kiện của đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT và truyền thông" trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành UBND các huyện, thành thị và các cơ quan liên quan nghiêm túc thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Kế San (Đã ký)

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN CNTT& TRUYỀN THÔNG TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015
(Kèm theo Kế hoạch số 2250/KH-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Phú Thọ)

1. Phân kỳ kinh phí theo nguồn đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Nguồn đầu tư			Tổng
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Nguồn khác (WB, ODA)	
1	Phát triển hạ tầng CNTT và Truyền thông	21,078	36,135	5,512	62,725
2	Phát triển, ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội	5,915	8,140	845	14,900
3	Phát triển nguồn nhân lực CNTT	3,740	12,960		16,700
4	Phát triển công nghiệp CNTT		1,250		1,250
5	Phát triển thương mại điện tử		2,935	2,000	4,935
6	Hỗ trợ trang bị thiết bị thông tin số cho các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh	6,838	20,512		27,350
7	Đầu tư, nâng cấp trang bị các phương tiện đào tạo hiện đại nhằm nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu làm chủ công nghệ của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh		5,000	4,000	9,000
Tổng		37,571	86,932	12,357	136,860

2. Danh mục các dự án, nhiệm vụ:

STT	Tên dự án	Mục tiêu/ sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Qui mô đầu tư	Đơn vị chủ trì
I	Phát triển hạ tầng CNTT&TT		62,725					
I.1	Hạ tầng phần cứng		55,725					
1	Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện mạng cục bộ cơ quan nhà nước đến cấp xã	Hỗ trợ công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành và công tác chuyên môn của cán bộ, công chức cấp xã.	8.200	NS huyện	2013 - 2015	Triển khai trên toàn tỉnh	Đầu tư máy trạm, thiết bị mạng (LAN) cho các cơ quan Nhà nước cấp xã, phường, thị trấn (gồm 186 đơn vị)	UBND các huyện, thành, thị
2	Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện mạng cục bộ tại các sở, ngành, UBND các huyện, thành, thị	Phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành và công tác chuyên môn của cán bộ, công chức	11,700	NS tỉnh, NS huyện	2012 - 2015	Triển khai trên toàn tỉnh	Đầu tư máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng (LAN) cho các cơ quan Nhà nước các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (gồm 45 đơn vị).	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị
3	Nâng cấp công giao tiếp điện tử của tỉnh		4,325	NS tỉnh	2012 - 2013	Trung tâm THDL tỉnh	Nâng cấp Công giao tiếp điện tử của tỉnh đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông)	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Xây dựng hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Trung tâm THDL được xây dựng hiện đại đảm bảo an toàn, an ninh, thuận tiện cho các CSDL, các hệ thống thông tin của tỉnh hoạt động ổn định	5.500	NS Trung ương hỗ trợ; NS tỉnh	2013 - 2015	Trụ sở: Sở Thông tin và Truyền thông	Hoàn thiện hạ tầng, cơ chế, giải pháp hệ thống.	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Xây dựng và triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số	Đảm bảo chứng thực, xác minh phục vụ việc trao đổi thông tin, dữ liệu qua mạng theo định hướng của Bộ thông tin & truyền thông, phục vụ hành chính điện tử	4,000	NS Trung ương	2013 - 2-15	Triển khai trên toàn tỉnh	Đầu tư hạ tầng, giải pháp để triển khai chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước	Sở Nội vụ

6	Xây dựng ứng dụng một cửa điện tử tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện thành. thị	Xây dựng cơ sở hạ tầng hệ thống quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh đến các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên môi trường mạng Truyền số liệu chuyên dùng	10,000	Ngân sách Trung ương hỗ trợ, Ngân sách tỉnh	2012 - 2015	Triển khai trên toàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử	Cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử đến người dân, hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá thương mại, sản phẩm trên mạng internet	1.500	Ngân sách cấp từ Bộ Công thương, Ngân sách tỉnh	2013 - 2014	tỉnh Phú Thọ	Xây dựng hệ thống, đào tạo cán bộ quản lý vận hành	Sở Công thương
8	Xây dựng cổng đào tạo trực tuyến	Phục vụ đào tạo CNTT trực tuyến trên mạng Internet cho người dân, cán bộ công chức, viên chức, doanh nghiệp	1,000	Ngân sách B giáo dục - NS tỉnh hỗ trợ	2013 - 2014	tỉnh Phú Thọ	Xây dựng hệ thống, đào tạo cán bộ quản lý vận hành	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao ban trực tuyến trong các cơ quan Nhà nước	Nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	9,500	NS tỉnh	2012 - 2014	tỉnh Phú Thọ	Đầu tư trang thiết bị, đường truyền kết nối	Sở Thông tin và Truyền thông
1.2	Hạ tầng cơ sở dữ liệu		7,000					
1	CSDL Đất đai	Phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai, trợ giúp lãnh đạo và các nhà quản lý các cấp trong việc hoạch định và quyết định những vấn đề phát triển KTXH, quản lý tài nguyên, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh, đồng thời làm cơ sở tiếp tục xây dựng các loại CSDL khác cần dựa trên nền bản đồ đất	5,000	NS Trung ương hỗ trợ NS tỉnh	2013 - 2015	Trung tâm THDL tỉnh	Xây dựng hệ thống CSDL đặt tại TTTHDL, đo đạc, điều tra, thu thập và nhập dữ liệu vào Hệ thống	Sở TN&MT
2	CSDL Thông tin Kinh tế - Xã hội	Xây dựng CSDL thông tin kinh tế - xã hội giúp công tác thống kê, quản lý, khai thác phục vụ công tác	1,000	NS Trung ương hỗ trợ, NS tỉnh	2012 - 2013	Trung tâm THDL tỉnh	Xây dựng hệ thống CSDL đặt tại TT THDL, điều tra, thu nhập và nhập dữ liệu	Sở KH - ĐT

		đánh giá, hoạch định chính sách					vào Hệ thống	
3	CSDL Doanh nghiệp	Là một hệ thông tin dữ liệu về các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh CSDL này từng bước được xây dựng và được cập nhật thường xuyên, cùng với các CSDL trọng điểm khác đóng vai trò cho việc quản lý, hoạch định chính sách và xây dựng các kế hoạch phát triển KTXH, bảo vệ môi trường, thực hiện công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hóa	500	NS Trung ương hỗ trợ NS tỉnh	2012	Trung tâm THDL tỉnh	Xây dựng hệ thống CSDL đặt tại TT THDL, điều tra, thu thập và nhập ngũ dữ liệu vào Hệ thống	Sở KH&ĐT
4	CSDL Hệ thống khách sạn nhà hàng, điểm tham quan, khu di tích lịch sử tỉnh Phú Thọ	Phục vụ nhiệm vụ lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	500	NS Trung ương hỗ trợ, NS tỉnh	2012 - 2015	Trung tâm THDL tỉnh	Xây dựng hệ thống CSDL đặt tại TT THDL, điều tra, thu thập và nhập ngũ dữ liệu và Hệ thống	Sở VHTT&DL
II	Phát triển ứng dụng CNTT		14,900					
1	Triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan quản lý Nhà nước	Phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành và công tác chuyên môn của cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã	8,000	Ngân sách tỉnh	2012 - 2015			Sở Thông tin và Truyền thông
2	Nâng cấp hệ thống thư điện tử tỉnh Phú Thọ		2,800	NS Trung ương hỗ trợ, NS tỉnh	2012 - 2013			Sở Thông tin và Truyền thông
3	Xây dựng một số phần mềm chuyên ngành của một số cơ quan quản lý Nhà nước	Phục vụ công tác chuyên môn, góp phần nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước	4,100	NS tỉnh	2012 - 2015			Sở, ban, ngành
III	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực CNTT		16,700					

1	Đào tạo cán bộ CIO cho các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ lãnh đạo trong các cơ quan Nhà nước	3,100	NS tỉnh	2012 - 2015	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đào tạo cho cán bộ phụ trách CNTT tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Nâng cao kiến thức CNTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	2,300	NS tỉnh	2012 - 2015	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Đào tạo phổ cập CNTT cho cán bộ công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến các xã, phường, thị trấn	Phổ cập kiến thức cơ bản về CNTT cho cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, sử dụng tốt CNTT trong xử dụng tốt CNTT trong xử lý, giải quyết công việc.	6.400	NS tỉnh NS huyện	2012 - 2015	Các huyện, thành, thị	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị
4	Đào tạo phổ cập CNTT các tầng lớp nhân dân	Phổ cập kiến thức NCTT cho các tầng lớp nhân dân góp phần nâng cao dân trí, chất lượng cuộc sống sử dụng hiệu quả quản CNTT trong công việc, đời sống hàng ngày	2,800	NS tỉnh NS huyện	2012 - 2015	Toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành, thị
5	Đào tạo chuyên gia NCTT theo các chứng chỉ quốc tế: CCNA, CCNP, MCSA, MCS E...	Đào tạo đội ngũ chuyên gia NCTT làm việc trong các cơ quan Nhà nước nhằm quản trị tốt các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung trong các cơ quan Nhà nước	2.100	NS tỉnh	2012 - 2015	Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị	Sở Thông tin và Truyền thông
IV	Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin		1.250				
	Triển khai chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011	Đẩy mạnh sử dụng, phát triển các ứng dụng phần mềm nguồn mở trong các cơ quan Nhà nước	1,250	NS tỉnh	2012 - 2015	Triển khai trong các cơ quan Nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông

	- 2015 (Theo Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)							
V	Phát triển thương mại điện tử		4,935					
	Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015, theo Kế hoạch 1832/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2011 của UBND tỉnh Phú Thọ	Bao gồm: - Triển khai hoạt động truyền thông về thương mại điện tử - Phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về ứng dụng thương mại điện tử. - Xây dựng các dịch vụ trực tuyến công về sản xuất, kinh doanh trên cổng giao tiếp điện tử của tỉnh - Phát triển và ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia ứng dụng thương mại điện tử	4,935					Sở Công thương
VI	Nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực CNTT&TT		9,000					
	Đầu tư, nâng cao cấp các phương tiện phục vụ đào tạo, nghiên cứu CNTT hiện đại cho các trung tâm đào tạo, nghiên cứu CNTT của các cơ quan Nhà nước		9,000	NS tỉnh, nguồn vốn khác (WB, ODA)	2012 - 2015			Các cơ quan Nhà nước có các trung tâm đào tạo, nghiên cứu CNTT
VII	Hỗ trợ trang bị thiết bị thông tin số cho các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh		27,350					

1	Hỗ trợ trang bị mỗi hộ 01 bộ máy vi tính cho 2.735 hộ nghèo của 13 huyện, thành, thị. Trong đó: Thị xã Phú Thọ: 278 hộ; huyện Tam Nông: 214 hộ; huyện Thanh Thủy: 279 hộ; huyện Thanh Ba: 184 hộ; huyện Yên Lập: 155 hộ; huyện Tân Sơn: 126 hộ; huyện Cẩm Khê: 209 hộ; huyện Lâm Thao: 232 hộ; huyện Hạ Hòa: 229 hộ; huyện Phù Ninh: 205 hộ; huyện Thanh Sơn: 282 hộ; thành phố Việt Trì: 134 hộ; huyện Đoan Hùng: 208 hộ,		27,350	Ngân sách Trung ương hỗ trợ, Ngân sách tỉnh	2012 - 2015	Các huyện, thành, thị		Sở Thông tin và Truyền thông
	Tổng cộng:		136,860					